TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 24 - 4 - 2020
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Ngọc Kim

+ Bà Mai Lương Anh

Thư ký phiên toà*:* ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 708/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về "*Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2020 giữa các đương sự:

II/ Những người tham gia phiên hoà giải

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ X, thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Trần Hữu T, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tổ X, thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2019 nộp tại Tòa án thành phố L, tỉnh Đ và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Thu S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu S kết hôn với anh Trần Hữu T vào năm 2010, tại ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và được sự đồng ý của gia đình hai bên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ X, thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đ, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đánh đập, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị S. Vợ chồng đã ly thân từ lâu không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Trần Hữu T.

Về con chung: Có 03 con chung

1- Trần Phương Khánh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010.

2- Trần Phước Khôi N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012.

3- Trần Phước Tuấn T, sinh 26 tháng 02 năm 2015.

Hiện nay cả 03 cháu đều đang ở với bố. Ly hôn chị S đồng ý giao cả ba cháu cho anh T nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của hai cháu lớn, là ở với bố, chị S cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/03 con đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có .

Về nợ chung: không có.

Anh Trần Hữu T trình bày:

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2020 anh Trần Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị S kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố L, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống tại tổ X, thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đ. Cuộc sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn do chị S bỏ nhà ra đi từ năm 2016 đến nay. Hiện nay mỗi người một nơi.

Về con chung:

1- Trần Phương Khánh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010.

2- Trần Phước Khôi N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012.

3- Trần Phước Tuấn T, sinh 26 tháng 02 năm 2015.

Hiện nay cả 03 cháu đều đang ở với anh T. Ly hôn tôi mong muốn được nuôi cả ba cháu và cũng theo nguyên vọng của cháu N, N là được ở với bố cấp dưỡng tùy bà S.

Về tài sản chung: Không có .

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Anh Trần Hữu T có đơn xin mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải xét xử vắng mặt. Nên tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: chị Phạm Thị Thu S yêu cầu xin ly hôn anh Trần Hữu T và đồng ý giao ba con cho anh T nuôi dưỡng chị S cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng/03 con.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị S và anh T là hôn nhân hợp pháp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 04 nam thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do anh T thường xuyên đánh đập, xúc phạm chị S. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị S.

Về con chung: Giao ba con chung tên: Trần Phương Khánh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010, Trần Phước Khôi N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012, Trần Phước Tuấn T, sinh 26 tháng 02 năm 2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị S cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/03 con.

Về tài sản chung: Không có .

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu S yêu cầu ly hôn anh Trần Hữu T, nên xác định quan hệ tranh chấp"Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T trú tại số Tổ X, thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đ, nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Giữa Chị Phạm Thị Thu S và anh Trần Hữu T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đánh đập xúc phạm chị S vợ chồng cũng đã ngồi lại với nhau để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Đến năm 2016 chị S bỏ nhà đi sống nơi khác. Việc ly hôn của vợ chồng đã được gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng cũng không có kết quả và chị S cũng cho anh T nhiều cơ hội để sữa lỗi lầm, để có gia đình hạnh phúc nhưng anh T vẫn không sữa đổi. Nay chị S xác định không còn tình cảm với anh T hôn nhân không thể kéo dài nên xin được ly hôn.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T có bản tự khai và có tham gia phiên hòa giải ngày 10 tháng 01 năm 2020 thể hiện muốn đoàn tụ gia đình, được nuôi cả ba con và cho thời gian suy nghĩ thêm. Tòa đã tiếp hòa giải nhưng anh T không đến mà có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt thể hiện sự không mong muốn đoàn tụ gia đình. Qua biên bản xác minh tại thôn việc mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị S tổ không biết nên không có cơ sở để hòa giải, giải quyết. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu S.

[4] *Về con chung*: vợ chồng có ba con chung tên: Trần Phương Khánh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010, Trần Phước Khôi N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012, Trần Phước Tuấn T, sinh 26 tháng 02 năm 2015, theo nguyện vọng của hai cháu N và cháu N là được ở với ba. Tại phiên hòa giải ngày 10 tháng 01 năm 2020 anh T mong muốn được nuôi cả ba con chị S đồng ý. Hiện nay cả ba cháu đang ở với anh T. Nên tiếp tục giao cả ba cháu Trần Phương Khánh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010, Trần Phước Khôi N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012, Trần Phước Tuấn T, sinh 26 tháng 02 năm 2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: Chị S cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/03 con cho đến khi các con trưởng thành.

[6] *Về tài sản chung*: Không có.

[7] *Về nợ chung*: Không có.

[8] *Về án phí:* Chị Phạm thị Thu S phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu S. Cho chị Phạm Thị Thu S và anh Trần Hữu T được ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1 Giao ba con chung tên Trần Phương Khánh N, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010, Trần Phước Khôi N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2012, Trần Phước Tuấn T, sinh 26 tháng 02 năm 2015 cho anh Trần Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên.

2.2 *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: Chị Phạm Thị Thu S cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng/03 con cho đến khi các con thành niên. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và đến hạn thanh toán, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 357 *và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp

dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Thu S phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng chị S đã tạm nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0016939 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng). Chị S phải đống 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Thu S có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Đ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Trần Hữu T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đ*;
- *VKSND TP L*;
- *Chi cục THA L;*
- *UBND xã Xuân Thọ- Đà Lạt.*
- *Lưu*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Điền